



# **ĐỌC THÁNH VỊNH**

**GỢI Ý ĐỂ GIÚP CẦU NGUYỆN**



## **ĐỌC THÁNH VỊNH**

### **GỢI Ý ĐỂ GIÚP CẦU NGUYỆN**

Cầu nguyện là tiếp xúc với Đấng vô hình, mà ta không hề thấy mặt, không hề nghe tiếng.

Cầu nguyện bằng Thánh vịnh là dùng lời lẽ và những tình ý của người xưa liên quan đến nhiều nhân vật, địa danh và nhiều sự việc ta chưa hề quen biết; lại còn nhiều tình huống hoặc tâm tình có thể trải ngược với cuộc sống hay với tâm trạng hiện tại của ta.

Vì vậy cần một chút hiểu biết đối với Thánh vịnh mới dễ cảm nhận những tư tưởng, tâm tình của Thánh vịnh; rồi chúng ta sẽ gặp thấy ở đây một chỗ dựa và nguồn hứng cho đời cầu nguyện.

## I. VỀ TẬP THÁNH VỊNH

• Bộ Sách Thánh bằng tiếng Híp-ri của Do thái giáo mà ta quen gọi là Cựu Ước, được chia làm 3 nhóm:

1. Luật Mô-sê (Tôrah)
2. Các Ngôn Sứ (Neviim)
3. Các Sách (Ketuvim)

Tập Thánh vịnh được xếp ở đầu nhóm 3

Bộ Cựu Ước mà Hội Thánh Công Giáo chúng ta hiện dùng vốn dựa theo cách trình bày của bộ Sách Thánh bằng tiếng Hy-lạp<sup>(1)</sup>, thường được chia làm bốn nhóm như sau:

1. Ngũ Thư
2. Các sách Lịch sử
3. Các sách Thi Phú và Khôn ngoan
4. Các sách Ngôn sứ

Tập Thánh vịnh được xếp đầu nhóm Thi Phú, sau sách Gióp.

Như sách Luật gồm có 5 cuốn, tập Thánh vịnh cũng gồm 5 phần mà câu kết luôn là lời ca ngợi Thiên Chúa, kết thúc với từ A-men<sup>2</sup>. (Xem Tv 41; 72; 89; 106; 150). Thánh vịnh 150 là lời ca ngợi long trọng vừa kết thúc phần 5 vừa kết thúc toàn tập Thánh vịnh. Có lẽ trước đó cũng đã từng có sự sắp xếp theo từng tập, vì nhóm Thánh vịnh 3 – 40 và 84 – 89 thường tôn xưng Thiên Chúa là YHWH<sup>(3)</sup>; trong khi nhóm 42 – 83 thì tôn xưng Ngài là Elohim

<sup>1</sup> Bản Kinh Thánh bằng tiếng Hy-lạp này thường được gọi là bản LXX (Septuagint, Septante) được thành hình trong thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Thời các Tông Đồ, tiếng Hy-lạp rất thông dụng, nhiều tập thể Do thái ở nước ngoài quen dùng bản này. Các Tông Đồ và các môn đệ thuở đầu cũng làm thế khi rao giảng Tin Mừng. Bộ Tân Ước, khi trưng dẫn sách Cựu Ước, cũng dựa trên bản Hy-lạp. Theo chân các Tông Đồ và bộ Tân Ước, Hội Thánh Công giáo và Chính Thống giáo trọng dụng bản Hy-lạp.

<sup>2</sup> A-men: gốc là động từ a-man trong tiếng Híp-ri (Do-thái cổ), có nghĩa là bền vững, chắc chắn. A-men nằm ở cuối Thánh vịnh thường có nghĩa là: "ước mong như thế" hoặc "đúng như vậy".

Ở đầu hoặc ở cuối một số Thánh vịnh lại có từ Al-lê-lu-ia. Al-lê-lu-ia: do động từ gốc trong tiếng Híp-ri: hallel có nghĩa là ca ngợi và ia hoặc ya là Yahue. Al-lê-lu-ia là hãy ca ngợi Thiên Chúa (với tâm tình vui mừng phấn khởi).

<sup>3</sup> Sách Xuất Hành 3,14 nói Thiên Chúa tỏ cho ông Mô-sê biết Ngài là YHWH (mà ta hay đọc là Yahweh). Người Do-thái vì kính trọng danh Chúa, khi thấy chữ này thì đọc là Adonai nghĩa là Đức Chúa, vì vậy về sau không ai biết hoàn toàn chắc chắn phải đọc thế nào. Tiếng Híp-ri viết

(Elohim là số nhiều của EL danh từ chung), nhóm 90 – 150 thì dùng lẫn lộn cả 2 danh xưng.

Về số thứ tự của các Thánh vịnh thì bản Híp-ri thường đi trước một đơn vị như thấy dưới đây:

Bản Híp-ri và các bản để nghiên cứu	Bản Hy-lạp, La-tinh và các bản dùng trong phụng vụ
Tv 1 → 8	Tv 1 → 8
9 & 10	9
11 → 113	10 → 112
114 → 115	113
116	114 & 115
117 → 146	116 → 145
147	146 & 147
148 → 150	148 → 150

Vài chỗ trùng lặp:

$$\begin{array}{l}
 \text{Tv } 14 \approx \text{Tv } 53 \\
 40,14-18 \approx 70 \\
 \left. \begin{array}{l} 57,8-12 \\ 60,7-14 \end{array} \right\} \approx 108 \quad \left\{ \begin{array}{l} 2-6 \\ 7-14 \end{array} \right.
 \end{array}$$

Câu đầu của Thánh vịnh thường là một ghi chú về cung điệu, nhạc cụ nên dùng, tên nhạc trưởng hoặc tác giả ... Có 73 Thánh vịnh được gán cho vua Đavít<sup>(4)</sup>.

Nhưng ngày nay người ta cho rằng, Thánh vịnh được hình thành hầu hết trong khoảng thời gian từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ II trước Công nguyên và phần lớn thành hình sau thời lưu đày (thế kỷ VI trước Công Nguyên).

---

không có nguyên âm, nên người ta thêm những chấm ký hiệu thay thế nguyên âm a-o-a của từ Adonai. Rồi do đó về sau, có sự nhầm lẫn, từ thế kỷ thứ XVI có những bản Kinh Thánh đọc YHWH là Jehovah.

<sup>4</sup> Vua Đavít, sống vào thế kỷ XI trước Đức Ki-tô, làm vua từ 1010 đến 970 trước Công nguyên, được Sách Thánh nhắc tới như là một người có năng khiếu đặc biệt về đờn ca và có lòng sùng mộ muốn dùng tiếng hát tiếng đàn để ca ngợi Thiên Chúa (1 Sm 16,16-23; 1 Sbn 16, 4 -7).

Thánh vịnh thuộc loại thi ca, lời văn có nhiều chất thơ và rất gần gũi với thiên nhiên, với cây cỏ, núi rừng, sông ngòi, biển cả v.v.. Ngôn ngữ thì đầy hình ảnh, cụ thể, sống động. Để nắm cảm những Thánh vịnh này, ta hãy đọc với chút ngỡ ngàng của tuổi thơ, của tâm hồn thi nhân biết cảm thông với đất trời và vạn vật:

*“Vừa thấy thế biển liền trốn chạy  
Sông Giođan cũng chạy ngược dòng.  
Vị tựa bầy chiên, núi đồi nhẩy nhót,  
Như thể đàn cừu, gò nổng tung tăng.”* (Tv 114,3-4)

Thánh vịnh rất hay dùng lối văn song hành: Hai vế cùng diễn một ý, nhưng dùng lời lẽ và hình ảnh khác nhau để làm nổi rõ điều muốn nói:

*“Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa  
Không trung loan báo việc tay người làm”* (Tv 19,2)

*“Vi tình thương của Ngài cao ngất trời xanh  
Lòng thánh tin vượt ngàn mây thẳm”* (Tv 108,5)

Trong Thánh vịnh ta gặp rất nhiều lời cảm tạ, tâm tình mừng vui, cũng như rất nhiều lời than vãn, kêu xin cầu cứu. Nhưng giữa những kêu van hầu như vẫn luôn có lời ca ngợi<sup>(5)</sup>.

Người ta thường dựa vào lời văn hoặc nội dung của các Thánh vịnh mà phân loại. Một cách đơn giản ở đây chúng ta có thể xếp một số Thánh Vịnh theo đề tài cho tiện dùng.

- Thánh vịnh ca ngợi: 8, 19, 29, 103, 135, 145, 146, 148, 149, 150...
- Thánh vịnh về vương quyền của Thiên Chúa: 47, 93, 96, 97, 98, 99 ...
- Thánh ca Sion: 46, 48, 76, 84, 87, 122 ...
- Thánh vịnh tạ ơn: 18, 65, 66, 67, 68, 116, 118, 136, 138 ...
- Thánh vịnh cầu khẩn tập thể: 12, 44, 74, 137 ...
- Thánh vịnh cầu khẩn cá nhân: 5, 6, 22, 26, 41, 88...
- Thánh Vịnh có tinh cách giáo huấn hoặc suy niệm lẽ khôn ngoan: 1, 15, 24, 37, 73, 134 ...

<sup>5</sup> Thánh vịnh trong tiếng Híp-ri gọi là Tehillim, số ít là Tehilla có nghĩa là lời ca ngợi. Một từ khác để chỉ Thánh Vịnh là mizmor có nghĩa là bài thơ để ngâm nga với nhạc đệm của đàn dây. Từ mizmor được dịch sang Hy-lạp là psalmos, do đó mà tiếng Anh là psalm, tiếng Pháp là psame, còn tiếng Việt là Thánh vịnh (vịnh là ngâm thơ).

- Thánh vịnh sám hối: 6, 32, 38, 51, 102, 130, 143 ...
- Thánh vịnh lên Đền diễn tả lòng khao khát và niềm vui hưởng về Đền Thờ Giê-ru-sa-lem: 120 – 134

## II. CẦU NGUYỆN VỚI THÁNH VỊNH

Tập Thánh vịnh phản ảnh tâm hồn của dân Ít-ra-en đối với Thiên Chúa qua các giai đoạn lịch sử của thời Cựu Ước. Càng quen thân với bộ Cựu Ước càng dễ cảm hiểu tập Thánh vịnh, càng quen thân với tập Thánh vịnh càng dễ cảm hiểu bộ Cựu Ước.

Bộ Cựu Ước vừa là sách lịch sử thường nhắc lại các chặng đường thăng trầm của dân Ít-ra-en vừa là một chứng từ tuyên xưng mối kết thân giữa Thiên Chúa và dân Ít-ra-en, qua dòng lịch sử ấy (Tv 78; 81; 131 v.v...).

Trong mỗi kết thân này có hai điều rất quan trọng cần để ý

**1/. Lời hứa** của Thiên Chúa với tổ phụ Áp-ra-ham (St 12,1-3; 15; 17,1-8) hướng đưa đến Giao Ước sau này của Thiên Chúa với dân Ít-ra-en. Lời Hứa với tổ phụ rồi ra sẽ được củng cố bởi Lời Hứa của Thiên Chúa cho dòng họ của vua Đavít (2Sm 7,1-16), để dẫn đưa đến Đức Ki-tô, Đấng Cứu Độ muôn dân<sup>(6)</sup>.

**2/. Giao Ước** của Thiên Chúa với con cháu của tổ phụ Áp-ra-ham, qua trung gian của ông Mô-sê (Xh 19–24). Nhờ đó, họ được nhận làm dân riêng của Thiên Chúa. Sự việc được cứu thoát khỏi ách nô lệ Ai-cập, khỏi chết chìm trong Biển Đỏ và được giao ước với Thiên Chúa là như cảm nghiệm đầu đời và sâu sắc nhất của dân Ít-ra-en về Thiên Chúa (Tv 114; 136,10-15). Giao Ước này sẽ dọn đường cho Giao Ước của Thiên Chúa với loài người, qua trung gian của Đức Giê-su Ki-tô (Lc 22,20; 1Cr 11,25).

Nhưng tất cả đều nhờ bởi “lòng-yêu-thương-và-thành-tín” (hesed we-emet)<sup>(7)</sup> của Thiên Chúa:

<sup>6</sup> Do đó ta hiểu vì sao Đức Ki-tô được gọi là Đấng Cứu Tinh xuất phát từ dòng vua Đa-vít (Lc 1,69), hay là con vua Đa-vít (Mc 10,47). Sách Tin Mừng còn nói đến Lời Hứa và Lòng Thương Xót mà Thiên Chúa dành cho tổ phụ Áp-ra-ham và con cháu đến muôn đời (Lc 1,54tt).

<sup>7</sup> Hesed thường được dịch là lòng yêu thương, nhân nghĩa hay ân sủng. Emet được dịch là sự thành tín hay chân lý (trong Kinh Thánh, chân lý là cái chắc chắn vững bền). Ta gặp cụm từ **hesed we-emet** rất nhiều nơi

*“Đức Chúa! Đức Chúa!  
Thiên Chúa chạnh thương huệ ái,  
Bao dung và đầy nhân nghĩa, tín thành”* (Xh 34,6).

Xem thêm Đnl 7,1; 2 Sm 7,15; Hs 2,21; Gr 31,3; Tv 25; 36; 40; 89 v...

Bộ Thánh vịnh là kết tinh của những cảm xúc, tâm tình và lời lẽ của bao thế hệ dân Chúa qua bao thời. Đây là những tâm tình và lời lẽ khi thì hồn nhiên nhẹ nhàng, khi thì vui mừng phấn khởi ca ngợi. Có lúc trầm ngâm, khắc khoải hoặc tha thiết van nài; có lúc lại như khóc như kể với Thiên Chúa một cách rất là “người”, bởi Thiên Chúa đã muốn kết thân với con người.

*“Vi hồn con ngập tràn đau khổ,  
mạng sống con âm phủ gần kề,  
thân kẻ như đã vào phần mộ,  
ví tựa người kiệt sức còn chi!”*

*“Trong mờ mịt, ai nói về tình thương của Chúa?  
Cõi âm ty, ai kể lại lòng thành tín của Ngài?  
Những kỳ công Chúa, nơi tối tăm ai rõ?  
Đức công chính Ngài, chốn quên lãng ai hay?”*

(Tv 88,4tt.12tt)

Tập Thánh vịnh hàm chứa biết bao cảm nghiệm sâu sắc của con người về Thiên Chúa, cũng như bao tiếng lòng sâu thẳm, có khi thiện hảo, cao thượng có lúc độc ác<sup>(8)</sup>, dữ dằn của kiếp người. Vì vậy có khi chúng ta bất chợt bắt gặp những nỗi niềm u uẩn hay sâu lắng nhất của chính mình.

*“Lạy Chúa, khi hồn con tiêu hao mòn mỏi,  
thì chính Chúa đã am tường mọi nẻo con đi”.*

(Tv 142,4)

---

trong Kinh Thánh nhất là các Thánh vịnh. Albert Gelin, nhà Kinh Thánh người Pháp, thế kỷ XX, nói: “Nếu Thiên Chúa dùng danh thiếp thì **“hesed we-emet”** là tước hiệu của Người trên danh thiếp ấy.

<sup>8</sup> Mấy Thánh vịnh 18, 58, 69, 109, 137 có tính cách chúc dữ. Thánh vịnh 109 có lẽ là dữ dằn nhất. Những lời này không dùng trong Kinh Phụng Vụ, nhưng cũng nhắc cho chúng ta để ý rằng sự dữ vẫn thường xuyên có mặt trong thế giới loài người, cũng như vẫn ẩn nấp đâu đó trong lòng dạ của mỗi người chúng ta.



Ở đây ta nghiệm thấy được những bước thăng trầm của con người muôn thuở, trên đàng vươn tới ơn cứu độ, theo kế hoạch tiệm tiến nhiệm mầu của Thiên Chúa.

André Chouraqui, một thi sĩ Do-thái, đã từng nói về tập Thánh vịnh.

“Chúng tôi sinh ra với tập sách này trong bụng. Một tập sách nhỏ một trăm năm mươi bài thơ, một trăm năm mươi bậc cấp đặt giữa sự sống và sự chết, một trăm năm mươi bức gương phản chiếu những sự nổi loạn cũng như sự thành tín của chúng tôi, những cơn hấp hối cũng như những cuộc hồi sinh của chúng tôi. Còn hơn là một cuốn sách, đây như là một sinh vật đang sống<sup>(9)</sup> – đang ngỏ lời với bạn – đang đau khổ, đang rên siết và chết, đang phục sinh và ca hát trước ngưỡng cửa của vĩnh hằng...”

Mang dòng máu Do-thái, Đức Ki-tô, Đức Ma-ri-a thánh Giu-se cũng như các thánh Tông Đồ hẳn đều đã nằm lòng với Thánh vịnh<sup>(10)</sup>.

Hội Thánh chúng ta dùng Thánh vịnh làm lời kinh chính thức của mình.

Cầu nguyện bằng Thánh vịnh là cầu nguyện cùng với toàn thể Hội Thánh, có Đức Ki-tô Ngôi là Đầu.

Khi đọc một Thánh vịnh than vãn sầu khổ, ta có thể thông hiệp với Đức Ki-tô đau thương trong cuộc khổ nạn. Nơi Người chúng ta hòa nhập với muôn người khổ đau, với Hội-Thánh-Dân-Chúa.

---

<sup>9</sup> “Nous naissons avec ce livre aux entrailles écrivait le poète juif A. Chouraqui. Un petit livre: 150 poèmes, 150 marches érigées entre la mort et la vie; 150 miroirs de nos révoltes et de nos fidélités, de nos agonies et de nos résurrections. Davantage qu'un livre, un être vivant qui parle – qui vous parle – qui souffre, qui gémit et qui meurt, qui ressuscite et chante, au seuil de l'éternité...”

Etienne Charpentier, *Pour lire L'Ancien Testament*, Paris, 1994, 94.

<sup>10</sup> Đức Giê-su và các môn đệ đã hát Thánh vịnh (Lễ Tiệc Vượt Qua kết thúc với việc hát các Thánh vịnh 113 – 118) trước khi đến núi Ô-liu (Mc 14,26). Trước khi trút hơi thở cuối cùng trên thập tự giá, Đức Giê-su cũng đã cầu nguyện lớn tiếng với hánh vịnh 22: “Ê-lô-I, Ê-lô-I, la-ma xa-bác-tha-ni!” (Mc 15,34). Thánh vịnh này mở đầu với những lời kêu than thống thiết nào nề, nhưng kết thúc với tâm tình lạc quan tin tưởng nơi Thiên Chúa và nghĩ đến muôn người, người còn sống cũng như kẻ đã chết.

Khi đọc một Thánh vịnh vui mừng ca ngợi chúng ta thông hiệp với Đức Ki-tô Phục Sinh vinh hiển cùng với bao người lành thánh đang được hạnh phúc bên Chúa.

Khi đọc một Thánh vịnh về vua, về các bậc lãnh đạo, ta có thể thông hiệp với Đức Ki-tô là vua bình an, là mục tử nhân lành, cầu nguyện cho giới lãnh đạo trong Hội Thánh trong thế giới.

Khi đọc một Thánh vịnh than vãn cảnh dân chúng khổ đau khốn khó, ta có thể thông hiệp với Hội-Thánh-Dân-Chúa là huyền thể của Đức Ki-tô trải qua bao nỗi nhục nhằn khốn khó suốt dòng lịch sử nhân loại. vv...

## MỘT ÍT THÁNH VỊNH ĐỂ NÀM LÒNG

Với những gì nói trên, chúng ta thấy Thánh vịnh thật đáng được nghiền ngẫm để học hỏi những trải nghiệm về Thiên Chúa, về con người và để cầu nguyện. Nhiều lúc không cần phải đọc nguyên cả Thánh vịnh, mà chỉ cần đôi câu là đủ để ta yên lặng ngồi lại dưới chân Chúa, hay trầm lắng, chiêm ngưỡng Thánh Nhan Ngài.

Dưới đây là một ít Thánh vịnh để nằm lòng.

**Đề Khơi Dậy Niềm Khát Vọng Thiên Chúa:** Tv 42; 63; 84.

*(Điều dễ nhớ là các Thánh vịnh này đều cách nhau 21 số).*

- **Tv 42:** *(giờ kinh sáng thứ hai, tuần II)*

Tưởng tượng hình ảnh nai rừng vật vờ tìm nước trong mùa nắng hạn, hay hỗn hển hướng về suối nước sau một chặng đường dài bị rượt đuổi bằng rừng:

*“Như nai rừng mong mỏi  
tim về suối nước trong,  
hồn con cũng trông mong  
được gần Ngài, lạ Chúa.  
Linh hồn con khao khát Chúa Trời,  
là Chúa Trời hằng sống.  
Bao giờ con được đến  
vào bệ kiến Tôn Nhan” (Tv 42,2-3)*

- **Tv 63:** Khao khát Chúa (*giờ kinh sáng chúa nhật, tuần I*)

Tâm hồn khao khát Chúa, mòn mỏi đợi trông như đất khô lâu ngày nứt nẻ, ... bởi ân tình Ngài quý hơn mạng sống:

*“Lạy Thiên Chúa, Ngài là Chúa con thờ,  
ngay từ rạng đông con tìm kiếm Chúa.”*

*“Linh hồn con đã khát khao Ngài,  
tấm thân này mòn mỏi trông,  
như mảnh đất hoang khô cằn, không giọt nước.”*

*Nên con đến ngắm nhìn Ngài trong nơi thánh điện,  
để thấy uy lực và vinh quang của Ngài.*

*Bởi ân tình Ngài quý hơn mạng sống,  
miệng lưỡi này xin ca ngợi tán dương.”* (Tv 63,2-4)

- **Tv 84:** Ước mong về Đền Thánh (*giờ kinh sáng thứ hai, tuần III*)

Có thể nghĩ về đời người như một chuyến đi dài, một cuộc hành hương về nhà Cha, ...

*“Phúc thay người ở trong thánh điện  
họ luôn luôn được hát mừng Ngài.  
Phúc thay kẻ lấy Ngài làm sức mạnh,  
ấp ủ trong lòng giấc mộng hành hương.”* (Tv 84,5-6)

**Đề Tạ Ơn:** Tv 136; 149; 150

- **Tv 136:** Tạ ơn Chúa vì vũ trụ bao la và vì hạnh phúc của Dân Người.

Hãy tạ ơn Chúa, muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương. Hãy chung lời ca ngợi và cảm tạ Chúa, vì đất trời hùng vĩ bao la, cùng muôn tinh tú rạng ngời:

*“Hãy tạ ơn CHÚA vì Chúa nhân từ,  
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương.”*

.....

*“Chỉ có Người làm nên những kỳ công vĩ đại,  
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương,”*

.....

*“Người ban lương thực cho tất cả chúng sinh,  
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương.”*

(Tv 136,1.4.25)

**ĐỂ HIỂU THÂN PHẬN NGƯỜI CỦA TA:** Tv 39; 90; 139

- **Tv 39:** Kiếp sống phù du... xin Chúa thương cứu giúp

*“Ấy tuổi đời con, Chúa đo cho một vài gang tấc,  
kiếp sống này, Chúa kể bằng không.  
Đứng ở đời, thật con người chỉ như hơi thở,  
thấp thoáng trên đường tựa bóng cầu.  
Công vất vả ngược xuôi: làn gió thoảng,  
ký cốp mà chẳng hay ai sẽ hưởng dùng.”* (Tv 39,6-7)

- **Tv 90:** Kiếp sống mong manh bèo bọt

*“Ngàn năm Chúa kể là gì,  
tựa hôm qua đã qua đi mất rồi,  
khác nào một trống canh thôi!  
Ngài cuốn đi, chúng chỉ là giấc mộng,  
như cỏ đồng trời mọc ban mai,  
nở hoa vươn mạnh sớm ngày,  
chiều về ủ rũ tàn phai chẳng còn.”* (Tv 90,4-6)

- **Tv 103:** “*Như người cha chạnh lòng thương con cái,  
CHÚA cũng chạnh lòng thương kẻ kính tôn.*

*Người quá biết ta được nhờ nấn bằng gì,  
hắn Người nhớ: ta chỉ là cát bụi.  
Kiếp phù sinh, tháng ngày vẫn vội,  
tươi thắm như cỏ nội hoa đồng,  
một cơn gió thoảng là xong,  
chồn xưa mình ở cũng không biết mình”* (Tv 103,13-16).

- **Tv 139:** Ngài biết rõ con và chấp nhận con

*“Tặng phủ con, chính Ngài đã cấu tạo,  
dệt tấm hình hài trong dạ mẫu thân con.  
Tạ ơn Chúa đã dựng nên con cách lạ lùng,  
công trình Ngài xiết bao kỳ diệu!  
Hồn con đây biết rõ mười mười.”* (Tv 139,13-14)

Nhưng con không chắc về mình, chỉ biết rằng Chúa hiểu con và yêu con. Xin Ngài dẫn dắt con.

*“Xin Ngài xem con có lạc vào đường gian ác  
thì dẫn con theo chính lộ ngàn đời.”* (Tv 139,24)

**Đề Cảm Hiểu Thiên Chúa “Yêu Thương và Thành Tín”**

Tv: 25, 36, 40, 85, 89, 103, 136 vv...

- **Tv 25:** Xin ơn tha thứ và giải thoát

*“Lạy Chúa xin nhớ lại nghĩa nặng với ân sâu,  
Ngài đã từng biểu lộ đến muôn thuở muôn đời”*

.....

*“Tất cả đường lối Chúa đều là yêu thương  
và thành tín” (Tv 25,5-7.10)*

Thánh vịnh này đã gợi hứng cho nhạc sĩ Hùng Lân viết lên bài thánh ca “ Xin chỉ cho con”, mà nhiều người ưa thích.

- **Tv 89:** Lòng nhân nghĩa của Thiên Chúa đối với nhà Đavít

Dù thế nào, Thiên Chúa vẫn là đáng thành tín. It-ra-en tuyên xưng Thiên Chúa và than khóc với Người, Đấng đã hứa hẹn và giao ước với dòng họ Đa-vít và dân It-ra-en.

*(Hãy đọc và tính xem Thánh vịnh này tuyên xưng Thiên Chúa yêu thương và thành tín tất cả là bao nhiêu lần)*

*“Tình thương Chúa đời đời con ca tụng,  
qua muôn ngàn thế hệ.  
Miệng con rao giảng lòng thành tín của Ngài” (Tv 89,2)*

-**Tv 16:** Chúa là gia nghiệp đời con

*“Ngoài Chúa ra, đâu là hạnh phúc?*

.....

*“Lạy Chúa, Chúa là phần sản nghiệp con được hưởng  
là chén phúc lộc dành cho con  
số mạng con, chính Ngài nắm giữ” (Tv 16,2.5)*

Trong thế giới Do - thái thời đó người ta tin rằng chết là vào âm phủ cõi tối tăm u ám vắng bóng Thiên Chúa. Nhưng ở đây cái chết cũng không phá vỡ được mối thiết nghĩa giữa Thiên Chúa và con người

*“Vi CHúa chẳng đành bỏ mặc con trong cõi âm ty  
Không để kẻ hiếu trung này hư nát trong phần mộ  
Chúa sẽ dạy con biết đường về cõi sống:  
Trước Thánh Nhan, ôi vui sướng tràn trề,  
ở bên Ngài hoan lạc chẳng hề vơi!” (Tv 16,10-11)*

Từ thế kỷ I, khi đọc Thánh vịnh này Kitô hữu đã nghĩ đến Đức Kitô khổ-nạn-phục-sinh (Cv 2,25-35).

Ngài đã sống lại, đang sống giữa chúng ta và đồng hành với chúng ta.

*Lm. Ngô Hoàn Cầu, Svd*

*Xuân 2016*